TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG ĐIỀN** TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **05**/2018/DS-ST
Ngày: 20-3-2018
V/v "Tranh chấp hụi"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG ĐIỀN, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Trí Thức

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thủy.
2. Bà Nguyễn Thị Di.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nga - Thư ký tòa án nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu tham gia phiên toà: Không tham gia.

Ngày 20 tháng 3 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân huyện Long Điền xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 125/2017/TLST-DS ngày 22 tháng 11 năm 2017 về "Tranh chấp hụi" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2018/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 3 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T.
Địa chỉ: ấp P, xã T, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. (có mặt)

Bị đơn: Bà Võ Thị H.
Địa chỉ: ấp P, xã T, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. (có mặt)

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ông Lê Văn S.
Địa chỉ: ấp P, xã T, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày: Vào tháng 4 và tháng 6/2016 (âm lịch) bà H có làm chủ 2 dây hụi có tính lãi, mỗi dây 12 tháng, bao gồm 12 phần, mỗi phần góp 10.000.000đ/tháng, bà T là hụi viên của 2 dây hụi này và tham gia mỗi dây 1 phần. Đến tháng 01/2017 thì bà H ngưng không hoạt động cả hai dây hụi này. Quá trình tham gia, bà T đã đóng góp 1 dây 6 tháng và 1 dây 8 tháng thành tiền là 140.000.000đ, trong đó bà T trả nợ cho bà H 10.000.000đ còn 130.000.000đ. Đến ngày 07/02/2017 hai bên chốt lại viết giấy tay, bà H ký nhận nợ 130.000.000đ và cam kết mỗi tháng trả ít nhất 5.000.000đ. Sau đó, ngày

06/5/2017 bà H trả được 30.000.000đ, còn 100.000.000đ bà H tiếp tục ký giấy nhận nợ và cam kết mỗi tháng trả 5.000.000đ. Tuy nhiên, bà H không thực hiện cam kết nên bà T khởi kiện yêu cầu bà H trả số nợ 100.000.000đ.

Tại phiên tòa, bà T cho rằng quá trình giao dịch chỉ có bà T với bà H nên chỉ yêu cầu mình bà H trả nợ. Hiện bà H đã trả thêm được 9.000.000đ nên yêu cầu bà H phải trả cho vợ chồng bà T 91.000.000đ, ngoài ra không có yêu cầu nào khác.

Lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn bà Võ Thị H trình bày: Bà H thừa nhận vào tháng 4 và 6/2016 (âm lịch) có làm chủ 2 dây hụi có lãi như bà T trình bày, nhưng mỗi phần hụi thực góp là 8.600.000đ/tháng, tính cả lãi thành 10.000.000đ/tháng. Bà T tham gia 2 dây thực góp 14 tháng x 8.6000.000đ/tháng = 120.400.000đ (tính cả lời theo thỏa thuận thành 140.000.000đ); trong đó bà T trả nợ cho bà H 10.000.000đ, còn lại 110.400.000đ. Tháng 01/2017 do bị giựt hụi nên bà H ngưng 2 dây hụi trên và đến ngày 07/02/2017 hai bên chốt lại viết giấy tay bà H cam kết trả nợ 130.000.000đ mỗi tháng 5.000.000đ. Đến ngày 06/5/2017 bà H trả được 30.000.000đ và ký giấy nhận số nợ còn lại là 100.000.000đ, cam kết mỗi tháng trả 5.000.000đ. Bà H thừa nhận có ký 2 giấy nhận nợ trên nhưng đều do bà T yêu cầu nên mới ký.

Tại phiên tòa, bà H cho rằng đã trả thêm được 9.000.000đ và do hoàn cảnh khó khăn nên xin phần lãi, đồng ý trả số tiền thực nhận còn lại là 71.400.000đ.

Lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn S trình bày: Ông S thống nhất như lời khai của bà T và không bổ sung gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được kiểm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Xét thấy tranh chấp giữa hai bên xuất phát từ việc tham gia góp hụi và bà Nguyễn Thị T yêu cầu bà Võ Thị H trả tiền nợ từ việc góp hụi do đó Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là "Tranh chấp hụi" theo Diều Điều 471 Bộ luật dân sự 2015.

[2] Hai bên thừa nhận tháng 4 và 6/2016 (âm lịch) bà H có làm chủ 2 dây hụi có tính lãi và bà T là hụi viên, đến tháng 01/2017 thì ngưng và hai lần bà H đều ký giấy nhận nợ ngày 07/02/2017 và 06/5/2017. Bà T cho rằng, khi tham gia các bên thỏa thuận góp mỗi dây hụi 10.000.000đ/tháng và đã đóng 14 tháng là 140.000.000đ, trả nợ cho bà H 10.000.000đ còn lại 130.000.000đ. Bà H đã trả được 39.000.000đ còn 91.000.000đ chưa trả nên yêu cầu bà H phải trả số nợ này; Bà H cho rằng tiền góp thực tế mỗi dây hụi là 8.6000.000đ/ tháng, tính cả lãi là 10.000.000đ/tháng, bà T thực đóng được 14 tháng là 120.400.000đ, bà T trả nợ 10.000.000đ còn 110.400.000đ, đến nay đã trả được 39.000.000đ còn 71.400.000đ bà H chỉ đồng ý trả số nợ này cho bà T.

[3] Xét thấy, căn cứ sự thừa nhận hai bên thì việc tham gia góp hụi có tính lãi và hai dây hụi bắt đầu từ tháng 4 và 6/2016 (âm lịch), đều kết thúc vào tháng 01/2017 là sự thật. Theo giấy nhận nợ ngày 07/02/2017 bà H ký cam kết trả nợ số tiền 130.000.000đ mỗi tháng 5.000.000đ, đến ngày 06/5/2017 bà H trả được 30.000.000đ và ký giấy nhận nợ cam kết trả số tiền còn lại 100.000.000đ, mỗi tháng 5.000.000đ; đồng thời hai bên đều xác nhận bà H đã trả thêm được 9.000.000đ. Như vậy, lời khai của bà T phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nên bà T yêu cầu bà H trả tiền nợ hụi là có căn cứ được chấp nhận buộc bà H phải trả cho bà T và ông S 91.000.000đ (Chín mươi mốt triệu đồng).

[4] Về án phí: Bà H phải chịu án phí trên số tiền phải trả là 91.000.000đ x 5% = 4.550.000đ 000đ (Bốn triệu năm trăm năm mươi ngàn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 471 và 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T buộc bà Võ Thị H phải trả cho bà Nguyễn Thị T và ông Lê Văn S tiền nợ hụi là 91.000.000đ (Chín mươi mốt triệu đồng).

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành cho đến khi thi hành xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Án phí:

- Bà Võ Thị H phải nộp 4.550.000đ (Bốn triệu năm trăm năm mươi ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà Nguyễn Thị T và ông Lê Văn S không phải chịu án phí, hoàn trả cho bà T 2.500.000đ (Hai triệu năm trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0009761 ngày 21/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Điền.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh BRVT;
- VKSND H. Long Điền;
- Chi cục THADS H. Long Điền;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

HOÀNG TRÍ THỨC